

Số: 59/2023/QĐST- HNGĐ

*Cẩm Khê, ngày 16 tháng 02 năm 2023*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc Q, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Khu S, thị trấn C, huyện C, tỉnh P.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc Q.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Về con chung: Chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Ngọc An N, sinh ngày 08/12/2016 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Lê Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Lê Ngọc Linh Linh, sinh ngày 26/11/2012 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Chị Nguyệt, anh Quang có quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được ngăn cản trở.

Về tài sản chung; tài sản riêng; về nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Ngọc Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N tự nguyện chịu cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận chị Nguyệt đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0007931 ngày 09/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị Nguyệt 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND TT Cẩm Khê;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Thị Thu Huyền**